

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 231/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoài H1, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoài H1 tự nguyện thành hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh H1 không quan tâm, lo lắng về kinh tế cho gia đình, dẫn đến vợ chồng bất hoà và hay cãi nhau. Do không thể tiếp tục sống chung được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H1.

Thời gian chung sống, chị và anh H1 có 01 con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 18/01/2021 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H1 cấp dưỡng với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh H1 không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2024 bị đơn anh Nguyễn Hoài H1 trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H, đồng ý giao con chung cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 18/01/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con, giữa anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung, anh yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Hoài H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 được xác lập vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian chị H và anh H1 chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, nghiêm trọng hơn là chị H và anh H1 đã tự sống riêng với nhau, đôi bên không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án chị H và anh H1 thống nhất ly hôn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung đang ở cùng chị H, sau khi ly hôn anh H1 thống nhất giao con chung Nguyễn Bảo N cho chị H nuôi theo yêu cầu của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyên vọng và điều kiện cụ thể các bên, đúng với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị H về việc cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 18/01/2021 là con chung của chị H và anh H1 nên anh chị phải cùng có trách nhiệm, anh H1 không đồng ý cấp dưỡng cho con chung là chưa đúng quy định. Bởi lẽ, theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình anh H1 không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Xét nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con và điều kiện kinh tế của chị H là khó khăn nên cần buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng là có cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Ngọc thành n.

Anh H1 phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh H1 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H1 và chị H xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

[8] Về án phí: Chị H và anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp được khấu trừ.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoài H1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H nuôi con chung cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 18/01/2021 hiện đang ở cùng chị.

Buộc anh Nguyễn Hoài H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 18/01/2021, mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Hoài H1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh Nguyễn Hoài H1 còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Nguyễn Hoài H1 có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Nguyễn Thị H.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh Nguyễn Hoài H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, chị đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004972 ngày 15/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) anh Nguyễn Hoài H1 phải chịu 300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Hoài H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Sông Đốc (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp